

Bản án số: 135/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5- 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Duy Thắm;

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Sử Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1994. Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Số CCCD: 086194000190 ngày 12/11/2021. Nơi cấp: Cục C (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Võ Thanh P, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. Số CCCD: 072092003313 ngày 02/3/2018. Nơi cấp: Cục C (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2026 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh D trình bày:

Chị và anh Võ Thanh P chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến cuối năm 2021, anh P bị bắt tạm giam và chấp hành án phạt tù tại Đội 23B, K3, Trại giam T; địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Năm 2022, chị D về nhà cha mẹ ruột tại ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Hiện hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt

được; không cùng nhau nuôi dạy con cái, xây dựng kinh tế vì thời gian chấp hành án kéo dài khiến gia đình ly tán; cuộc sống gia đình bị khủng hoảng; một mình chị **D** phải gánh mọi trách nhiệm một mình trong thời gian dài. Nay tình cả không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh **P**.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên **Võ Minh Đ**, sinh ngày 18/10/2018 hiện đang sống cùng chị **D** tại **ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long**. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Võ Thanh P** trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2026:*
Thống nhất với chị **D** thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Đến năm 2020 anh bị bắt và kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Anh hiện đang chấp hành án 06 năm tại **Trại giam T**. Nay chị **D** yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị **D**.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung như chị **D** trình bày. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị **D** nuôi dưỡng, anh không chấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chung sống không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toàn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân - Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu khởi kiện ly hôn của chị **Nguyễn Thị Thanh D** đối với anh **Võ Thanh P**.

- Về con chung: Giao cháu **Võ Minh Đ**, sinh ngày 19/10/2018 cho chị **D** chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị **D** không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Thanh D** là nguyên đơn, anh **Võ Thanh P** là bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **D**, anh **P**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thanh D** và anh **Võ Thanh P** chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh), đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị **D**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị **D** và anh **P** thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh **P** hiện đang phải chấp hành án tại trại giam T (Z), tỉnh Lâm Đồng; vợ chồng không thể sống chung, cùng nhau nuôi dạy con cái, chia sẻ kinh tế, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy hôn nhân giữa chị **D** anh **P** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó việc chị **D** làm đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **D**.

[4] Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Thanh D** và anh **Võ Thanh P** chung sống có 01 con chung tên **Võ Minh D**, sinh ngày 19/10/2018; hiện cháu **D** đang sống với chị **D**. Chị **D**, anh **P** thống nhất giao con chung cho chị **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị **D** không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh **P** có quyền đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Thanh D**, anh **Võ Thanh P** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Thanh D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh D.** Chị **Nguyễn Thị Thanh D** được ly hôn với anh **Võ Thanh P.**

2. Về nuôi con chung: Chị **Nguyễn Thị Thanh D**, anh **Võ Thanh P** có 01 con chung là cháu **Võ Minh Đ**, sinh ngày 19/10/2018. Giao con chung cho chị **D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ghi nhận chị **D** không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh **P** có quyền đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị **Nguyễn Thị Thanh D**, anh **Võ Thanh P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Thanh D** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007407 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị **D** đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS Tây Ninh;
- UBND xã Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My

